TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2025/HSST
Ngày 22.01.2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Ngọc Cường.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Nhớ và ông Nguyễn Tý.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Mai Phương - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu T**, sinh ngày 28 tháng 10 năm 2000 tại tỉnh Nghệ An; Nơi thường trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1960 và bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1954 (đã chết).

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 29.10.2024, bị tạm giam ngày 31.10.2024, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

** Bị hại:* Bà Phạm Thị Hương G, sinh năm 2004; nơi thường trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nơi ở hiện tại: Số K đường H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Số F đường L, tổ H, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Ông Phạm Thanh H2, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu T có mối quan hệ tình cảm nam nữ với chị Phạm Thị Hương G. Từ đầu tháng 7/2024, T tham gia đánh bạc qua mạng dẫn đến nợ nần nhiều người. Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của chị G nên vào chiều ngày 15/9/2024, T nhắn tin qua ứng dụng "messenger" giả vờ hỏi mượn xe mô tô Honda Vision màu đen biển kiểm soát 76C1- 618.90 của chị Phạm Thị Hương G với lý do để chở bạn đi đóng tiền lời thì chị G đồng ý. Đến khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, chị G giao xe mô tô BKS 76C1- 618.90 cho T tại trước số nhà C L, phường T, quận T, Đà Nẵng. Sau khi nhận được xe, T mang xe mô tô này đi đến tiệm C1 ở địa chỉ số F L, phường H, quận C, Đà Nẵng do ông Lê T1 làm chủ. Tại đây, T hỏi với ông T1 về việc cầm cố xe mô tô trên và đưa ra Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên chủ xe Phạm Thanh H2, BKS đăng ký 76C1-61890 T nói đây là xe của bạn nhờ đi cầm giúp rồi đề nghị ông T1 cầm cố xe mô tô trên với giá 12.000.000 đồng, ông T1 đồng ý. T yêu cầu ông T1 chuyển số tiền 4.000.000 đồng số tài khoản 0986097485 Ngân hàng Q tên Nguyễn Hữu T và số tiền 8.000.000 đồng vào số tài khoản 3620469469 Ngân hàng Đ tên "DINH CONG GIANG", số tiền có được T dùng trả nợ, tiêu xài cá nhân và đánh bạc qua mạng hết. Đến tối cùng ngày, chị G yêu cầu trả xe thì T nói dối xe mô tô trên bị hư hỏng, đang sửa chữa ở khu vực bến xe Đ. Từ ngày 15/9/2024 đến ngày 17/9/2024, chị G nhiều lần gọi điện cho T để hỏi về xe mô tô trên nhưng T tìm lý do lẩn tránh và không nghe điện thoại. Đến chiều ngày 17/9/2024, chị G cùng bạn là Lê Thị Khánh L đến gặp T tại phòng trọ ở địa chỉ K B,TP. Đà Nẵng. Tại đây, chị G biết được T đã đem xe mô tô trên đi cầm cố thế chấp ở tiệm C1. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T thông báo cho chị G biết đã có đủ tiền lấy xe và yêu cầu chị G giao lại giấy cầm cố để T chuộc lại xe nhưng chị G không đồng ý, chị G yêu cầu T chuyển khoản cho chị G để chị G tự đi chuộc xe, tuy nhiên Thoả không đồng ý. Đến trưa ngày 18/9/2024, T bỏ trốn vào tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Ngày 19/9/2024, chị G đến Công an phường T trình báo sự việc. Ngày 29/10/2024 T đến Công an quận T đầu thú về hành vi trên đã khai nhận hành vi lừa đảo chiếm tài sản của mình.

** Vật chứng tạm giữ:*

- 01 xe mô tô màu đen hiệu Honda Vision BKS 76C1 - 618.90 và 01 giấy đăng ký xe BKS 76C1 - 618.90 mang tên Phạm Thanh H2. Ngày 08/11/2024 Cơ quan CSĐT C2 đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Phạm Thanh H2.

- 01 phiếu cầm đồ xe Vision tại cửa hàng C3.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 18/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận T xác định 01 xe Honda Vision màu nâu, BKS 76C1 618.96 có giá trị 15.300.000 đồng.

** Về trách nhiệm dân sự:*

- Người bị hại Phạm Thị Hương G và gia đình đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Nguyễn Hữu T đã tác động gia đình bồi thường số tiền 12.000.000 đồng cho ông Lê T1, ông T1 đã nhận đủ số tiền không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 31/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa trình bày luận tội đã giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù.

Bị hại thể hiện lời trình bày xác định bị T lừa đảo để chiếm đoạt xe mô tô có giá trị 15.300.000đ. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo đã bồi thường tiền cho chủ tiệm cầm đồ và đã trả xe cho bị hại nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê T1 vắng mặt nhưng hồ sơ thể hiện lời trình bày xác định đã nhận lại 12 triệu đồng tiền cầm cố xe mô tô và không có yêu cầu gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã ân hận về hành vi của mình, xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình, xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thu thập đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Điều tra viên cũng như Kiểm sát viên đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ mà pháp luật quy định. Các hành vi, quyết đinh tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Hữu T đã khai nhận toàn bộ sự việc chiếm đoạt xe môtô của bà Phạm Thị Hương G. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 15/9/2024, bị cáo Nguyễn Hữu T đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối để mượn xe của bà Phạm Thị Hương G mang đi cầm cố lấy số tiền 12.000.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân và đánh bạc qua mạng sau đó bỏ trốn vào tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 15.300.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Hữu T là người có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được rằng việc lợi dụng sự tin tưởng của người khác để đưa ra các thông tin gian dối và thực hiện hành vi trái pháp luật nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nhưng do bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải lao động nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vào ngày 15/9/2024, bị cáo đã đưa ra các thông tin không đúng sự thật để lấy xe môtô biển kiểm soát 76C1 - 618.96 của bạn gái là Phạm Thị Hương G sau đó đem đến tiệm cầm đồ C1 ở địa chỉ số F đường L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng do ông Lê T1 làm chủ để cầm cố 12.000.000đ sử dụng chi tiêu cá nhân. Sau khi bị hại phát hiện, bị cáo đã trốn vào tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến cuối tháng 10 mới ra đầu thú. Với giá trị tài sản chiếm đoạt 15.300.000 đồng, bị cáo T đã phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" với tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi, cần tiếp tục cách ly bị cáo một thời gian để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng ý định chiếm đoạt tài sản là sau khi mượn được xe và sau khi gặp một người bạn tại khu chung cư P chứ không phải phát sinh từ trước khi mượn xe của bị hại. Hội đồng xét xử thấy rằng, trước khi mượn xe bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối là mượn xe chở bạn đi đóng tiền lời nhưng thực tế bị cáo điều khiển xe một mình đến khu vực phường H và cầm cố lấy tiền tiêu xài chứ không chở bạn đi đóng tiền lời. Mặt khác, trước đó bị cáo đã nợ tiền cá độ bóng đá của một số tài khoản trên mạng nên bị cáo cần tiền để trả nợ. Trong quá trình điều tra, tại các bản tường trình, bản khai và bản cung ban đầu bị cáo đều thừa nhận do cần tiền tiêu xài và trả nợ nên bị cáo nãy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bạn gái nên bị cáo đã hỏi mượn xe mô tô của bị hại sau đó mang đi cầm cố. Như vậy, ý định chiếm đoạt xe mô tô là có trước khi bị cáo nhận được xe, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời khai của bị cáo tại phiên tòa được.

[3] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có người có công với cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và bị cáo đã ra đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại với số tiền 15.300.000 đồng. Bị cáo đã trả tiền cho tiệm cầm đồ và trả xe lại cho bị hại. Trong quá trình điều tra, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn trình bày thể hiện không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Lê T1 là người nhận cầm cố xe mô tô do bị cáo chiếm đoạt nhưng ông T1 không biết tài sản đó do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo, cơ quan công an đang điều tra và sẽ xử lý sau.

[5] Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*";

2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 174; Điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- <u>Xử phạt</u>: Bị cáo Nguyễn Hữu T **01 (một)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 29.10.2024

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo; những người TGTT;
- VKSND quận Thanh Khê;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Tòa án ND TP Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Nhà tạm giữ;
- Cơ quan điều tra CA quận Thanh Khê;
- Cơ quan THAHS CA quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Ngọc Cường